

Số: /QĐ-UBND

Hà Tĩnh, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Kế hoạch đấu giá quyền khai thác khoáng sản
làm vật liệu xây dựng thông thường trên địa bàn tỉnh, năm 2025**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29/11/2024;

Căn cứ Luật Đấu giá tài sản ngày 17/11/2016; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản ngày 27/6/2024;

Căn cứ Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số 1363/QĐ-TTg ngày 08/11/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch tỉnh Hà Tĩnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh: số 3506/QĐ-UBND ngày 18/11/2014 về việc phê duyệt kết quả khoan định khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh; số 672/QĐ-UBND ngày 14/02/2015 về việc phê duyệt khu vực cấm, tạm cấm hoạt động khoáng sản;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại các Văn bản: số 3844/SNNMT-KS ngày 17/7/2025, số 3974/SNNMT-KS ngày 22/7/2025;

Căn cứ chủ trương của cấp có thẩm quyền: Thông báo số 441/TB-UBND ngày 12/8/2025 của UBND tỉnh; Thông báo số 01-TB/ĐU ngày 12/8/2025 của Ban Thường vụ Đảng ủy UBND tỉnh; Thông báo số 1368-TB/TU ngày 25/8/2025 của Thường trực Tỉnh ủy.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch đấu giá quyền khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường trên địa bàn tỉnh, năm 2025.

Chi tiết có bản Kế hoạch kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường chuẩn bị hồ sơ, tài liệu và phối hợp với các Sở: Tư pháp, Xây dựng, Tài chính và các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức đấu giá quyền khai thác khoáng sản theo đúng quy định đối với khu vực khoáng sản trong Kế hoạch đấu giá được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Sở Nông nghiệp và Môi trường và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh và các cơ quan thanh tra, kiểm tra về các nội dung báo cáo, tham mưu, đề xuất phê duyệt Kế hoạch đấu giá quyền khai thác khoáng sản và toàn bộ quá trình tổ chức thực hiện, đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật về khoáng sản, đấu giá tài sản và các quy định có liên quan.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Tư pháp, Xây dựng, Tài chính và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Cục Địa chất và Khoáng sản;
- TTr: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh (để b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- UBND các xã, phường có khu vực khoáng sản đấu giá;
- Chánh, các PCVP UBND tỉnh;
- Trung tâm CB-TH;
- Lưu: VT, NL₄.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Hồng Lĩnh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

KẾ HOẠCH

Đấu giá quyền khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường trên địa bàn tỉnh năm 2025

(Kèm theo Quyết định số/QĐ-UBND ngày/..../2025 của UBND tỉnh)

I. Mục đích, yêu cầu

1. Mục đích

- Thực hiện cấp giấy phép hoạt động khoáng sản theo quy định của Luật Địa chất và khoáng sản thông qua đấu giá quyền khai thác khoáng sản.
- Quản lý, khai thác và sử dụng hợp lý, tiết kiệm, đáp ứng nhu cầu phát triển bền vững, tăng hiệu quả kinh tế, giảm thiểu các tác động đến môi trường. Đồng thời phát huy tiềm năng khoáng sản, thu hút đầu tư khai thác có hiệu quả nguồn tài nguyên khoáng sản, tăng nguồn thu cho ngân sách nhà nước.

2. Yêu cầu

- Khu vực đưa ra đấu giá phải phù hợp với Quy hoạch tỉnh Hà Tĩnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1363/QĐ-TTg ngày 08/11/2022; nằm ngoài danh mục đã được UBND tỉnh khoanh định khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản tại Quyết định số 3506/QĐ-UBND ngày 18/11/2014; không thuộc khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 672/QĐ-UBND ngày 14/02/2015.
- Bảo đảm công khai, minh bạch; đúng quy định của Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29/11/2024; Luật Đấu giá tài sản ngày 17/11/2016; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản ngày 27/6/2024; Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản và các quy định khác có liên quan.

II. Nội dung

1. Khu vực đấu giá quyền khai thác khoáng sản năm 2025: Đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực chưa thăm dò khoáng sản, gồm 15 khu vực mỏ (có Phụ lục kèm theo).

2. Thời gian thực hiện: Năm 2025.

Trường hợp trong năm 2025 chưa thực hiện đấu giá quyền khai thác khoáng sản theo kế hoạch được phê duyệt, thì các khu vực mỏ sẽ được chuyển sang đấu giá quyền khai thác khoáng sản trong các năm tiếp theo.

3. Phương pháp thực hiện: Tổ chức cuộc đấu giá theo quy định của Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29/11/2024; Luật Đấu giá tài sản ngày 17/11/2016; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản ngày 27/6/2024; Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản và các quy định khác có liên quan.

4. Kinh phí thực hiện: Theo quy định tại Thông tư số 03/2025/TT-BTC ngày 22/01/2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn về chế độ tài chính trong hoạt động đấu giá tài sản; quy định việc thu, chi, quản lý và sử dụng tiền bán hồ sơ mời tham gia đấu giá, tiền đặt trước của người tham gia đấu giá không được nhận lại theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản; Thông tư số 20/2024/TT-BTP ngày 31/12/2024 của Bộ Tư pháp quy định cơ chế, chính sách về giá dịch vụ đấu giá tài sản mà pháp luật quy định phải bán thông qua đấu giá; chi phí đăng thông báo lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản, chi phí thông báo công khai việc đấu giá trên Cổng Đấu giá tài sản quốc gia, chi phí sử dụng Cổng Đấu giá tài sản quốc gia để đấu giá bằng hình thức trực tuyến; Quyết định số 1311/QĐ-BTP ngày 22/4/2025 của Bộ Tư pháp quy định khung giá dịch vụ đấu giá tài sản mà pháp luật quy định phải bán thông qua đấu giá.

5. Công suất, thời hạn khai thác

Để bảo đảm kịp thời nguồn khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường phục vụ phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh, thời gian cấp giấy phép khai thác khoáng sản được quy định như sau:

- Đối với các mỏ khoáng sản thuộc địa bàn các phường: Hoàn Sơn, Sông Trí: cấp giấy phép khai thác có thời hạn tối đa không quá **18 tháng**.

- Đối với các mỏ khoáng sản còn lại: cấp giấy phép khai thác có thời hạn tối đa không quá **30 tháng**.

III. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

- Lập dự toán kinh phí chi cho việc đấu giá quyền khai thác khoáng sản đối với các khu vực mỏ trong kế hoạch đấu giá quyền khai thác khoáng sản năm 2025, trình thẩm định, phê duyệt theo quy định.

- Chủ trì, phối hợp với các Sở: Tài chính, Tư pháp, Xây dựng và các đơn vị liên quan xác định giá khởi điểm, tiền đặt trước, bước giá; xây dựng hồ sơ mời đấu giá quyền khai thác khoáng sản và điều kiện về năng lực tài chính của tổ chức, cá nhân tham gia đấu giá; số cuộc đấu giá đối với 15 mỏ nêu trên, báo cáo UBND tỉnh để chỉ đạo xử lý theo thẩm quyền trước khi tổ chức thực hiện.

- Tham mưu UBND tỉnh thành lập Tổ Liên ngành thực hiện nhiệm vụ: lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản, xét chọn hồ sơ tham gia đấu giá và giám sát phiên đấu giá quyền khai thác khoáng sản theo Kế hoạch.

2. Sở Tư pháp: phối hợp chặt chẽ với Sở Nông nghiệp và Môi trường để thực hiện tốt các nội dung nêu trên.

3. Sở Tài chính: chủ trì thẩm định dự toán kinh phí chi cho việc đấu giá quyền khai thác khoáng sản đối với các khu vực mỏ nằm trong kế hoạch đấu giá quyền khai thác khoáng sản năm 2025; phối hợp chặt chẽ với Sở Nông nghiệp và Môi trường để thực hiện tốt các nội dung nêu trên.

4. Công an tỉnh: Theo dõi, nắm chắc tình hình, kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm các quy định pháp luật trong đấu giá quyền khai thác khoáng sản; ngăn chặn hành vi lợi dụng đấu giá để đẩy giá, gây nhiễu loạn thị trường, trục lợi trái quy định.

5. Văn phòng UBND tỉnh: đăng tải công khai Kế hoạch đấu giá quyền khai thác khoáng sản trên Cổng thông tin điện tử của UBND tỉnh chậm nhất 15 ngày, kể từ ngày được UBND tỉnh phê duyệt.

6. Tổ chức đấu giá tài sản: thực hiện quyền hạn, nghĩa vụ, quy định theo Luật Đấu giá tài sản và các quy định khác có liên quan.

7. Các sở, ngành, địa phương, đơn vị liên quan: theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường trong việc tổ chức và triển khai hoạt động đấu giá quyền khai thác khoáng sản theo Kế hoạch này.

Trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch này, nếu có những vấn đề vướng mắc, các sở, ngành, địa phương kịp thời phản ánh, báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Nông nghiệp và Môi trường) xem xét, sửa đổi bổ sung./.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

PHỤ LỤC

Danh sách các mỏ đầu giá quyền khai thác khoáng sản làm VLXD thông thường năm 2025

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2025 của UBND tỉnh)

TT	Tên mỏ, vị trí	Diện tích (ha)	Tài nguyên dự báo (1.000m ³)	Điểm khép góc	Tọa độ VN-2000, kinh tuyến trực 105° 30', múi chiếu 3°	
					X (m)	Y (m)
I	ĐẤT ĐÒI LÀM VẬT LIỆU SAN LẤP (khoáng sản nhóm IV)	102,33	14.092			
1	Đất đồi khu vực Cúp Bưởi, phường Hoàn Sơn	14,98	2.250	1 2 3 4 5	1991674 1991339 1991477 1991709 1991891	600515 600245 600031 600074 600264
2	Đất đồi khu vực Bắc núi Sim 2, phường Sông Trí	13,08	2.300	1 2 3 4 5 6 7	1991919 1992241 1992302 1992275 1992077 1992008 1991898	588508 588548 588660 588971 588919 588773 588740
3	Đất đồi khu vực thuộc xã Kỳ Xuân	6,97	1.045	1 2 3 4 5 6	2014034 2014087 2014196 2014364 2014198 2014057	566087 566245 566326 566200 565963 566030
4	Đất đồi khu vực khe dài Đồng Mọ, xã Cẩm Trung	6,6	660	1	2014633	565552

				2	2014813	565668
				3	2014809	565746
				4	2014727	565878
				5	2014679	566039
				6	2014575	565976
5	Đất đồi khu vực thôn Yên Thượng, xã Thạch Xuân	5,84	584	1	2019035	539020
				2	2019002	539072
				3	2018916	539105
				4	2018774	539064
				5	2018734	539023
				6	2018918	538810
				7	2019004	538826
				8	2019035	538882
6	Đất đồi khu vực núi Đồng Bụt, xã Hà Linh	9,7	1.500	1	2025806	526634
				2	2025996	526737
				3	2025937	527119
				4	2025745	527023
				5	2025677	526886
7	Đất đồi khu vực thôn Trung Sơn, xã Hương Đô	8,0	840	1	2012500	527560
				2	2012273	527681
				3	2012201	527469
				4	2012155	527268
				5	2012458	527387
8	Đất đồi khu vực núi Tràng Cháy, xã Sơn Tiến	5,0	750	1	2057767	497432
				2	2057928	497443
				3	2057923	497524
				4	2058032	497539
				5	2058060	497609
				6	2057992	497668

				7	2057755	497641
9	Đất đồi khu vực Khe Buông, xã Đức Đồng	6,64	670	1 2 3 4 5 6	2038751 2038761 2038762 2038491 2038422 2038517	509351 509474 509558 509556 509463 509316
10	Đất đồi khu vực Tân Hương 2, xã Đức Đồng	6,95	1.050	1 2 3 4 5 6	2039625 2039671 2039497 2039287 2039260 2039487	510101 510337 510290 510310 510224 510070
11	Đất đồi khu vực thôn Nam Phong, xã Đồng Lộc	11,54	1.603	1 2 3 4 5	2032915 2033054 2033256 2033278 2033019	521159 521157 520944 520737 520664
12	Đất đồi khu vực thuộc xã Vũ Quang	7,03	840	1 2 3 4 5	2034702 2034660 2034486 2034375 2034493	497321 497523 497471 497454 497161
II	CÁT XÂY DỰNG	15,28	614,4			
1	Cát xây dựng lòng sông Ngàn Sâu, xã Thượng Đức	6,92	280	1 2 3 4 5	2038038 2038244 2038349 2038415 2038432	505450 505525 505639 505790 505909

				6	2038414	505994
				7	2038334	506069
				8	2038337	505939
				9	2038228	505681
2	Cát, sỏi xây dựng lòng sông Ngàn Sâu, thôn Tân Hương, xã Phúc Trạch	3,86	154,4	1	2002152	530992
				2	2002032	531337
				3	2001917	531458
				4	2001870	531429
				5	2002103	530985
3	Cát xây dựng lòng sông Lam, phường Bắc Hồng Lĩnh	4,5	180	1	2054457	517631
				2	2054581	517673
				3	2054595	517831
				4	2054534	517982
				5	2054428	517992

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH